

Số: 121/QĐ-MNAT

An Tiến, ngày 07 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai các khoản thu - chi năm học 2023 -2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON AN TIẾN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Kế hoạch thu chi năm học 2023-2024 của trường mầm non An Tiến;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu - chi năm học 2023-2024 của trường Mầm non An Tiến *(Theo biểu mẫu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Ngọc Lan

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 121/QĐ-MNAT ngày 07/10/2023 của Trường mầm non An Tiến)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang (Tính đến hết tháng 9/2023)	118 697 750
1.2	Mức thu(NT: 92.000đ/cháu/tháng; MG: 85.000đồng/cháu/tháng	
1.3	Tổng số dự kiến thu trong năm	252 000 000
1.4	Tổng kinh phí dự kiến được sử dụng trong năm	370 697 750
1.5	Số dự kiến nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	370 697 750
1.6	Số dự kiến chi trong năm	370 697 750
	Trong đó: - Chi cải cách tiền lương	370 697 750
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	Ngày thứ 7 chỉ trẻ mầm non	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.1.2	Mức thu: 40.000 đồng/cháu/ngày	
2.1.3	Tổng số dự kiến thu trong năm	100 800 000
2.1.4	Tổng kinh phí dự kiến được sử dụng trong năm	100 800 000
2.1.5	Số dự kiến nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	100 800 000
2.1.6	Số dự kiến chi trong năm	100 800 000
	Trong đó: - Chi tiền công, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý, chăm sóc trẻ vào ngày thứ 7 (Chi thực tế theo bảng chấm công)	98 784 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: Nộp 2% thuế	2 016 000
2.1.7	Số dư cuối năm	
		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	Tài trợ vận động cho giáo dục	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	



TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
3.1.2	Tổng số dự kiến huy động trong năm	90 800 000
3.1.3	Tổng kinh phí dự kiến được sử dụng trong năm	90 800 000
3.1.4	Số dự kiến nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	90 800 000
3.1.5	Số dự kiến chi trong năm	90 800 000
	Trong đó: - Trả tiền lắp đặt hệ thống điều hòa cho lớp học	90 800 000
	-	
	-	
3.1.6	Số dư cuối năm	
		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1.	Tiền chi hỗ trợ người nấu ăn	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.1.2	Mức thu: 100.000 đồng/cháu/tháng (Trong đó: Trẻ đi học từ 5 ngày trở xuống thu 10.000đ/ngày; trẻ học từ 6 ngày trở lên thu cả tháng)	
4.1.3	Tổng số dự kiến thu trong năm	216 000 000
4.1.4	Tổng kinh phí dự kiến được sử dụng trong năm	216 000 000
4.1.5	Số dự kiến nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	216 000 000
4.1.6	Số dự kiến chi trong năm	216 000 000
	Trong đó: - Chi hỗ trợ cô nuôi trực tiếp làm công tác nấu ăn: 90%	194 400 000
	- Chi hỗ trợ nhân viên phục vụ công tác ăn bán trú: 8%	17 280 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: Nộp 2% thuế	4 320 000
4.1.7	Số dư cuối năm	
4.2.	Thu quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.2.2	Mức thu: 10.000 đồng/cháu/ngày (5.000đ/giờ, 1 ngày = 2 giờ từ 11h30'-13h30')	
4.2.3	Tổng số dự kiến thu trong năm	376 200 000
4.2.4	Tổng kinh phí dự kiến được sử dụng trong năm	376 200 000
4.2.5	Số dự kiến nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	376 200 000
4.2.6	Số dự kiến chi trong năm	376 200 000
	Trong đó: - Chi công tác quản lý	62 449 200
	- Chi người chăm ăn, trông trưa (Chi theo bảng chấm công thực tế)	306 226 800
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: Nộp 2% thuế	7 524 000
4.2.7	Số dư cuối năm	
		

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Tiếng nước ngoài (Tiếng Anh)	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.1.2	Mức thu: 27.500đ/tiết (GV người nước ngoài)	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	257 400 000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	257 400 000
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	257 400 000
5.1.6	Số chi trong năm	243 757 800
	Trong đó: - Chi nộp cho trung tâm cung cấp dịch vụ: 85%	205 920 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất: 2,7%	6 949 800
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo....	12 870 000
	- Chi công tác tuyên truyền của giáo viên	18 018 000
	- Chi khác:.....	
5.1.7	Số dư cuối năm	
		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	Tiền ăn bán trú (bao gồm cả tiền chất đốt)	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu: 25.000 đồng/cháu/ngày (Trong đó: Tiền ăn: 23.000đ/ngày; chất đốt: 2.000đ/ngày)	
6.1.3	Tổng thu	
6.1.4	Đã chi	
6.1.5	Dư	
6.1	Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu: 360.000đ/trẻ/năm (đối với trẻ mới đi học); 200.000đ/trẻ/năm (đối với trẻ đã đi học năm học 2022-2023)	
6.1.3	Tổng dự kiến thu	73 600 000
6.1.4	Tổng số dự kiến chi	73 600 000
6.1.5	Dư	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
		
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi họ tên)

Lê Thị Thanh Xuân

An Tiến, ngày 07 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, tên và đóng dấu)

[Signature]
TRƯỞNG
MẦM NON
AN TIẾN
HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Ngọc Lan